TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HỊA XỸ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - VĨNH LONG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 8 – 2025
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Lực

2/ Ông Lâm Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long*: không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 173/2025/TLST – HNGĐ ngày 15/4/2025 về việc *"Ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/ QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị Ú và anh T hôn nhân hình thành trên cơ sở mai mối, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 19/5/2009. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung tại xã T. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, đời sống chung không thể dung hòa, anh T không lo chí thú làm ăn, nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị Ú. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2015 đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung gồm Võ Thị Thanh N, sinh ngày 24/12/2008 và Võ Quốc V, sinh ngày 19/7/2013. Sau khi ly hôn, tôi giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

Tại phiên tòa:

+ Chị Ú trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Đối với bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

Xét việc bị đơn anh T được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét thấy:

[2.1] Giữa Chị Ú và anh T tuy không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh, chị có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống; giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đồng thời, chị Ú và anh T hiện tại đã ly thân với nhau từ tháng 01/2025 đến nay.

Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ú yêu cầu xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 1 Điều 56 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc … hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quy định "a) Không có tình cảm vợ chồng, ví dụ: Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng; c) Vợ chồng xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, tổn thất về tinh thần…"

[3.1] Về con chung:

Xét việc chị Ú đồng ý cháu Võ Thị Thanh N, sinh ngày 24/12/2008 và Võ Quốc V, sinh ngày 19/7/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án nhận thấy:

Từ nhỏ cháu N và V sống chung với anh T cuộc sống phát triển bình thường về tinh thần, thể chất, đồng thời tại bản khai ý kiến cháu N và V cũng có nguyện vọng sống chung với anh T. Do đó cần thiết giao cháu N và V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về tài sản chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3.3] Về nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Chị Ú phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 55 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ú được ly hôn với anh Võ Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Võ Thị Thanh N, sinh ngày 24/12/2008 và Võ Quốc V, sinh ngày 19/7/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Ú phải nộp số tiền là: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0010051 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4), nên chị Ú không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Kv4;
- Phòng THADS Kv4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn